

Bản án số: 63/2024/HS-ST
Ngày: 24/4/2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Nguyễn Thị Cúc

+ Bà Phạm Thị Thuỳ Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Lê Nguyên Lương, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H - số 344A đường L, quận H, thành phố Đà Nẵng tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/HSST-QĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Dương Văn P (tên gọi khác: Không) - Sinh ngày: 15/9/1988. Tại thành phố Đà Nẵng. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: K104/15 đường L, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Cha: Không rõ, mẹ: Dương Thị M (sinh năm: 1960, sống); Bị cáo là con duy nhất; Vợ: Phạm Thị Bích N, sinh năm 1988; có 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm hoãn xuất cảnh và cấm đi khỏi nơi cư trú.

*** Bị hại: Công ty cổ phần G**, Địa chỉ trụ sở: Toà nhà V, số 08 đường P, phường M, quận T, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Hồng Q**, chức vụ: Tổng giám đốc. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người làm chứng:**

- Bà **Nguyễn Thị Ngọc T** – Sinh năm 2000. Địa chỉ: 93 đường B, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Văn Plà nhân viên của Công ty Cổ phần G- Chi nhánh Đà Nẵng, địa chỉ: Số 22 đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng dịch vụ số MT.636096-1/2022/HDDV ngày 19/3/2022. P có nhiệm vụ giao, nhận hàng hóa theo chỉ dẫn của quản lý Công ty; thu hộ tiền từ khách hàng và nộp lại đầy đủ tiền thu hộ cho Công ty; cập nhật và bàn giao kết quả thực hiện dịch vụ theo đúng yêu cầu cho Công ty.

Quá trình làm việc, P nhận hàng từ công ty rồi giao cho khách, thu hộ tiền từ khách. Sau khi nhận tiền từ khách, P không giao tiền lại cho Công ty mà thực hiện thao tác “hoãn” (*Nghĩa là chưa giao được hàng*) trên hệ thống để chiếm đoạt số tiền này.

Bằng cách thức như trên, từ ngày 24/11/2022 đến ngày 30/11/2022, P đã giao 13 đơn hàng cho khách và nhận tổng cộng 25.240.000 đồng từ 13 khách rồi tiêu xài cá nhân hết, cụ thể:

- Đơn 1: S29398679...565, nhận của Công ty ngày 25/11/2022, giao cho khách ngày 30/11/2022. Số tiền nhận từ khách là 2.580.000 đồng.
- Đơn 2: S21456415...577, nhận của Công ty ngày 24/11/2022, giao cho khách ngày 30/11/2022. Số tiền nhận từ khách là 1.500.000 đồng.
- Đơn 3: S21914678...792, nhận của Công ty ngày 30/11/2022, giao cho khách ngày 30/11/2022. Số tiền nhận từ khách là 599.000 đồng.
- Đơn 4: S19728139...639, nhận của Công ty ngày 30/11/2022, giao cho khách ngày 30/11/2022. Số tiền nhận từ khách là 810.000 đồng.
- Đơn 5: S1852109...671, nhận của Công ty ngày 30/11/2022, giao cho khách ngày 30/11/2022. Số tiền nhận từ khách là 1.240.000 đồng.
- Đơn 6: S21013428...201, nhận của Công ty ngày 30/11/2022, giao cho khách ngày 30/11/2022. Số tiền nhận từ khách là 500.000 đồng.
- Đơn 7: S12857573...498, nhận của Công ty ngày 28/11/2022, giao cho khách ngày 30/11/2022. Số tiền nhận từ khách là 9.020.000 đồng.
- Đơn 8: S1625837...714, nhận của Công ty ngày 30/11/2022, giao cho khách ngày 30/11/2022. Số tiền nhận từ khách là 824.000 đồng.
- Đơn 9: S65004...617, nhận của Công ty ngày 28/11/2022, giao cho khách ngày 30/11/2022. Số tiền nhận từ khách là 1.566.000 đồng.
- Đơn 10: S2374594...100, nhận của Công ty ngày 28/11/2022, giao cho khách ngày 30/11/2022. Số tiền nhận từ khách là 1.293.000 đồng.
- Đơn 11: S19737621...903, nhận của Công ty ngày 28/11/2022, giao cho khách ngày 28/11/2022. Số tiền nhận từ khách là 1.090.000 đồng.
- Đơn 12: S17718932...015, nhận của Công ty ngày 26/11/2022, giao cho khách ngày 30/11/2022. Số tiền nhận từ khách là 3.700.000 đồng.
- Đơn 13: S21366092...378, nhận của Công ty ngày 28/11/2022, giao cho khách ngày 28/11/2022. Số tiền nhận từ khách là 518.000 đồng.

Đến cuối ngày 30/11/2022, chị Nguyễn Thị Ngọc T - nhân viên bưu cục, đại diện theo ủy quyền của Công ty kiểm tra thì phát hiện 13 đơn hàng nêu trên

của P đang trong tình trạng hện giao đơn nên đã mời P đến làm việc. Đến ngày 02/12/2022, khi làm việc thì P thừa nhận đã giao 13 đơn hàng trên cho khách và nhận tổng cộng số tiền 25.240.000 đồng nhưng không giao nộp lại cho Công ty mà tiêu xài cá nhân hết. Do P không trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt nên Tđã trình báo vụ việc đến Công an phường H.

Như vậy, từ ngày 24/11/2022 đến ngày 30/11/2022, P nhận tổng cộng 25.240.000 đồng của 13 khách, không nộp lại cho Công ty mà chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân. Trong đó, tại các đơn hàng số 1, 7, và 12 có giá trị tài sản lần lượt là 2.580.000 đồng, 9.020.000 đồng và 3.700.000 đồng (trên 2.000.000 đồng).

Ngoài ra, ngày 02/12/2022, khi làm việc với Công ty thì P đã khắc phục cho Công ty số tiền 2.500.000 đồng. P khai nhận hiện Công ty còn giữ của P các khoản tiền gồm: 5.000.000 đồng do P đặt cọc từ khi ký kết hợp đồng với Công ty; Tiền lương tháng 11 tính từ ngày 21/10/2022 đến ngày 20/11/2022 là 14.117.612 đồng; Tiền lương từ ngày 21/11/2022 đến ngày 30/11/2022 là 3.110.000 đồng.

Quá trình điều tra, Dương Văn P đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như trên. Lời khai nhận của P phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần G là Hồ Thị N - nhân viên pháp chế yêu cầu Dương Văn P bồi thường số tiền 22.740.000 đồng.

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số 36/CT-VKSHC ngày 27.02.2024 Viện kiểm sát nhân dân quận H đã truy tố: Dương Văn P về tội "Tham ô tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Dương Văn P khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

+ Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 353, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Dương Văn P từ 04 (bốn) năm đến 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Tham ô tài sản".

- Về hình phạt bổ sung: Không.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 22.740.000 đồng cho nguyên đơn dân sự.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thống nhất với nội dung cáo trạng đã truy tố và phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa, không có tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện: Dương Văn P là nhân viên của Công ty Cổ phần G - Chi nhánh Đà Nẵng, địa chỉ: Số 22 đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, được giao nhiệm vụ giao, nhận hàng hóa theo chỉ dẫn của quản lý Công ty; thu hộ tiền từ khách hàng và nộp lại đầy đủ tiền thu hộ cho Công ty. Từ ngày 24/11/2022 đến ngày 30/11/2022, lợi dụng nhiệm vụ giao nhận đơn hàng cho khách, P nhận tổng cộng 25.240.000 đồng của 13 khách nhưng không nộp lại cho Công ty mà chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân. Trong đó, tại các đơn hàng số 1, 7, và 12 có giá trị tài sản lần lượt là 2.580.000 đồng, 9.020.000 đồng và 3.700.000 đồng.

[3] Lời khai của bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ trong vụ án và các tài liệu chứng cứ khác. Hành vi phạm tội trên đây của bị cáo Dương Văn P đã phạm vào tội "*Tham ô tài sản*". Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 25.240.000 đồng, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Tại cáo trạng số 36/CT-VKSHC ngày 27.02.2024 Viện kiểm sát nhân dân quận H đã truy tố đối với bị cáo tội "*Tham ô tài sản*" là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất vụ án, vai trò, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với bị cáo như sau:

[4.1] Bị cáo, được giao nhiệm vụ giao, nhận hàng hóa theo chỉ dẫn của quản lý Công ty; thu hộ tiền từ khách hàng và nộp lại đầy đủ tiền thu hộ cho Công ty nhưng bị cáo đã lợi dụng quyền hạn của mình chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý, không nộp về công ty với tổng số tiền 25.240.000 đồng của 13 khách để chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bị pháp luật nghiêm cấm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy, HĐXX thấy cần phải xử phạt bị cáo cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

[4.2] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án tiền sự.

[4.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Dương Văn P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4.4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án

và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện, bị cáo đã tự nguyện bồi thường 2.500.000 đồng cho nguyên đơn dân sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 sẽ được HĐXX xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt khi quyết định hình phạt. Do bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 54 để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: *“Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn dân sự là Công ty Cổ phần G vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng các lời khai của nguyên đơn dân sự cũng như các tài liệu thu thập có trong hồ vụ án đã thể hiện nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 22.740.000 đồng là có cơ sở nên cần buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền trên cho nguyên đơn dân sự.

[7] Từ những nhận định trên, xét thấy lời luận tội của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng về tội danh và áp dụng các điều luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên mức hình phạt đề nghị tại lời luận tội của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng là nặng. HĐXX căn cứ vào mức độ hành vi phạm tội của bị cáo xét thấy cần xử phạt đối với bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức mà Kiểm sát viên đề nghị cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

[8] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm do bị cáo phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

1. Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn P phạm tội “Tham ô tài sản”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Dương Văn P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Dương Văn P bồi thường cho Công ty Cổ phần Gsố tiền 22.740.000 đồng (Hai mươi triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Dương Văn P phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.137.000 đồng (Một triệu một trăm ba mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận H;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Công an quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- Trại tạm giam CATP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Thùy

